

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp và liên thông giữa các cấp chính quyền của các sở, ban, ngành tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-BNV ngày 30/12/2019 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp và liên thông giữa các cấp chính quyền của các sở, ban, ngành tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC GIẢI QUYẾT THEO HÌNH THỨC
LIÊN THÔNG CÙNG CẤP CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	TÊN TTHC	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Cơ quan quyết định
1	SỞ TÀI CHÍNH			
	Lĩnh vực : Quản lý công sản			
1.	Xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản nhận chuyển giao	Sở Tài chính		UBND tỉnh
2.	Thủ tục xem xét việc sử dụng quỹ đất của cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước tại vị trí cũ do cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước thuộc địa phương quản lý, để thanh toán Dự án BT đầu tư xây dựng công trình tại vị trí mới	Sở Tài chính		UBND tỉnh
3.	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
4.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
5.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
6.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
7.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
8.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản	Sở Tài chính		UBND

	công theo quy định tại các điểm a,b,c,d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (cấp tỉnh)			tỉnh
9.	Quyết định điều chuyển tài sản công (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
10.	Quyết định bán tài sản công (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
11.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
12.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
13.	Quyết định thanh lý tài sản công (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
14.	Quyết định tiêu hủy tài sản công (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
15.	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị huỷ hoại (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
16.	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
17.	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án (cấp tỉnh)	Sở Tài chính		UBND tỉnh
18.	Thủ tục điều chuyển tài sản là hệ thống điện được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước sang ngành điện quản lý.	Sở Tài chính		UBND tỉnh
19.	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội.	Sở Tài chính		UBND tỉnh
20.	Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước	Sở Tài chính		UBND tỉnh

21.	Thủ tục chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	Sở Tài chính		UBND tỉnh
22.	Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	Sở Tài chính		UBND tỉnh
	Lĩnh vực quản lý Giá			
23.	Quyết định giá thuộc thẩm quyền cấp tỉnh	Sở Tài chính		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Quản lý Tài chính doanh nghiệp			
24.	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	Sở Tài chính		UBND tỉnh
2	THANH TRA TỈNH			
	Lĩnh vực: Giải quyết khiếu nại			
25.	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Thanh tra tỉnh, các sở	Các cơ quan	UBND tỉnh
3	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			
	Lĩnh vực Lâm nghiệp			
26.	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh
27.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh
28.	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh
29.	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	Sở Nông nghiệp và Phát	UBND tỉnh	HĐND tỉnh

		triển nông thôn		
30.	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
31.	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương	UBND tỉnh
32.	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
33.	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Thủy lợi			
34.	Cấp Giấy phép sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
35.	Cấp Giấy phép nạo vét luồng, lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
36.	Cấp Giấy phép đắp vật liệu, đào ao, giếng ở bãi sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
37.	Cấp Giấy phép xây dựng công trình ngầm; khoan đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi một kilomet (1km) tính từ biên ngoài phạm vi bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
38.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận	Sở Nông		UBND

	hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.	ng nghiệp và Phát triển nông thôn		tỉnh
39.	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
40.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
41.	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi (trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ) thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
42.	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
43.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
44.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
45.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
46.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
47.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát		UBND tỉnh

		triển nông thôn		
48.	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
49.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
50.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
51.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
52.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
53.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
54.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
55.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh

	mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh			
56.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi (trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ) thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
57.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
58.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn			
59.	Công nhận làng nghề	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
60.	Công nhận nghề truyền thống	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
61.	Công nhận làng nghề truyền thống	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
62.	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Thủy sản			
63.	Công bố mở cảng cá loại 2	Sở Nông nghiệp và PTNT		UBND tỉnh
64.	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Sở Nông nghiệp và	Sở Tài chính, Kho	UBND tỉnh

		PTNT	bạc nhà nước	
	Lĩnh vực Quản lý công sản			
65.	Thủ tục thanh lý rừng trồng không thành rừng đối với rừng trồng thuộc địa phương quản lý.	Sở Nông nghiệp và PTNT		UBND tỉnh
66.	Điều chuyển công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.	Sở Nông nghiệp và PTNT		UBND tỉnh
67.	Cho thuê quyền khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.	Sở Nông nghiệp và PTNT		UBND tỉnh
68.	Chuyển nhượng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.	Sở Nông nghiệp và PTNT		UBND tỉnh
69.	Thanh lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.	Sở Nông nghiệp và PTNT		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Quản lý giá			
70.	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Quản lý tài chính doanh nghiệp			
71.	Thủ tục lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính	UBND tỉnh
	Lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp			
72.	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh
	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT			
73.	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và PTNT		UBND tỉnh

74.	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và PTNT		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Công chức, viên chức			
75.	Thủ tục xét tuyển công chức	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan có liên quan	
76.	Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan có liên quan	
77.	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan có liên quan	
78.	Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan có liên quan	
79.	Thủ tục thi tuyển viên chức	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan có liên quan	
80.	Thủ tục xét tuyển viên chức	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan có liên quan	
81.	Thủ tục xét tuyển đặc cách viên chức	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan có liên quan	
	Lĩnh vực Bảo hiểm			
82.	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước	UBND tỉnh
83.	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước	UBND tỉnh
	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo			

84.	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
	Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn			
85.	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (cấp tỉnh)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thành lập Hội đồng thẩm định gồm các cơ quan có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	SỞ Y TẾ			
	Lĩnh vực Tổ chức, cán bộ			
86.	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Y tế	Sở Tư pháp	UBND tỉnh
87.	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Y tế	Sở Tư pháp	UBND tỉnh
5	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
	Lĩnh vực: đất đai			
88.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
89.	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh

	trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
90.	Thu tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
91.	Thẩm định phương án sử dụng đất của Công ty nông, lâm nghiệp.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT; các đơn vị khác	Sở Tài nguyên và Môi trường
92.	Chấp thuận địa điểm đầu tư đối với dự án sử dụng vốn nhà nước khác và vốn xã hội hóa khác do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức khác quyết định chủ trương đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
93.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh		UBND tỉnh
94.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh		UBND tỉnh (đối với cơ sở tôn giáo)
95.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh		UBND tỉnh (đối với cơ sở tôn giáo)
96.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh		UBND tỉnh (đối với cơ sở tôn giáo)
97.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu	Văn phòng đăng ký đất đai		UBND tỉnh (đối

	nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	tỉnh		với cơ sở tôn giáo)
98.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	Cơ quan thuế; cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp; Kho bạc tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường
99.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh		Ủy ban nhân dân tỉnh đối với trường hợp bán tài sản gắn liền với đất thuê
100.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức (trừ doanh nghiệp); thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	Cơ quan thuế	Sở Tài nguyên và Môi trường (trường hợp cấp mới)
101.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	Cơ quan thuế	Sở Tài nguyên và Môi trường (trường hợp cấp mới)
102.	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh

103.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Môi trường			
104.	Xét tặng Giải thưởng môi trường tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
105.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
106.	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi khoản 1 điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP)	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Tài nguyên nước			
107.	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
108.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
109.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
110.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
111.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw;	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh

	cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm.			
112.	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
113.	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
114.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Biển và Hải đảo			
115.	Giao khu vực biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
116.	Gia hạn Quyết định giao khu vực biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
117.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
118.	Trả lại khu vực biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
119.	Thu hồi khu vực biển	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
120.	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan	UBND

			có liên quan	tỉnh
121.	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
122.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
123.	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
124.	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
125.	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở hoạt động về khai thác, kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng xăng dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu trên đất liền và vùng biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trừ các cơ sở kinh doanh xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền (dưới 20 tấn).	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Địa chất và Khoáng sản			
126.	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
127.	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
128.	Chuyên nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
129.	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh

	vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)			
130.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh)	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
131.	Đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp tỉnh)	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
132.	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
133.	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
134.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường		UBND tỉnh
6	SỞ TƯ PHÁP			
	Lĩnh vực: Nuôi con nuôi			
135.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
136.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Công chứng			
137.	Thành lập Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
138.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
139.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
140.	Thành lập Hội công chứng viên	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính			
141.	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	Sở Tư pháp		Sở Tư pháp, UBND tỉnh
142.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại	Các cơ quan	Các cơ	Cơ quan

	cơ quan trực tiếp người thi hành công vụ gây thiệt hại		quan, tổ chức liên quan; cơ tài chính	trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
	Lĩnh vực: Giám định tư pháp			
143.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Các sở chuyên ngành	Sở Tư pháp	UBND tỉnh
144.	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
145.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Thừa phát lại			
146.	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
147.	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
148.	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Sở Tư pháp		UBND tỉnh
7	SỞ NỘI VỤ			
	Lĩnh vực: Thi đua Khen thưởng			
149.	Công nhận danh hiệu “Cơ quan, đơn vị kiêu mẫu” cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
150.	Công nhận danh hiệu “Cơ quan, đơn vị kiêu mẫu” cho các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp; danh hiệu “Doanh nghiệp kiêu mẫu” cho các doanh nghiệp.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
151.	Công nhận danh hiệu “Huyện, thị xã, thành phố kiêu mẫu”.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh

152.	Công nhận danh hiệu Công dân kiêu mẫu đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, tỉnh Thanh Hóa.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
153.	Thủ tục công nhận Danh hiệu “Công dân kiêu mẫu” đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. (cơ quan thực hiện: Các trường đại học, cao đẳng)	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
154.	Xét tặng danh hiệu “Vi sự phát triển Thanh Hóa”	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
155.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh;	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
156.	Thủ tục tặng Cờ thi của UBND tỉnh;	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
157.	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
158.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề;	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
159.	Thủ tục tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
160.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đợt xuất.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
161.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
162.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đối ngoại.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Giáo dục đào tạo			

163.	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
164.	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
165.	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
166.	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
167.	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
168.	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Tổ chức Cán bộ			
169.	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Việc làm			
170.	Thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
171.	Tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Công tác Thanh niên			

172.	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
173.	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo			
174.	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
175.	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
176.	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
177.	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
178.	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập			
179.	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
180.	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
181.	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực tổ chức phi chính phủ			
182.	Thủ tục thành lập hội	Sở Nội vụ		UBND tỉnh

183.	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
184.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
185.	Thủ tục đổi tên hội	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
186.	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
187.	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Sở Nội vụ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực chính quyền địa phương			
188.	Phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Sở Nội vụ	UBND cấp xã, UBND cấp huyện	UBND tỉnh
189.	Thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	Sở Nội vụ	UBND cấp xã, UBND cấp huyện	UBND tỉnh
8	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ			
	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam			
190.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Đấu thầu			
191.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		UBND tỉnh
192.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà	Sở Kế hoạch và Đầu tư		UBND

	đầu tư đề xuất.			tỉnh
193.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	Sở Kế hoạch và Đầu tư		UBND tỉnh
194.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Sở Kế hoạch và Đầu tư		UBND tỉnh
195.	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Sở Kế hoạch và Đầu tư		UBND tỉnh
196.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn			
197.	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (cấp tỉnh).	Sở Kế hoạch và Đầu tư		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức			
198.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan khác	UBND tỉnh
199.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan khác	UBND tỉnh

	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			
200.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan khác	UBND tỉnh
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp			
201.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
202.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
203.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
204.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
205.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
206.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
207.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
208.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư

	quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước			Đầu tư
209.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
210.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
211.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
212.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
213.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
214.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
215.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
216.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư

217.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
218.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
219.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
220.	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
221.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
222.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
223.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
224.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư

225.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
226.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
227.	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
228.	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
229.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
230.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
231.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
232.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
233.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
234.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư

235.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
236.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
237.	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
238.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
239.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
240.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
241.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
242.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
243.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
244.	Giải thể doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
245.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
246.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan	Sở Kế hoạch và

	kinh doanh		thuế	Đầu tư
247.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
248.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
249.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
250.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
251.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
252.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
253.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
254.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
255.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
256.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư

257.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
258.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
259.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI			
	Lĩnh vực Đường thủy nội địa			
260.	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Sở Giao thông vận tải		UBND tỉnh
261.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	Sở Giao thông vận tải		UBND tỉnh
262.	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Sở Giao thông vận tải		UBND tỉnh
263.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	Sở Giao thông vận tải		UBND tỉnh
264.	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Sở Giao thông vận tải		UBND tỉnh
265.	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy	Sở Giao thông vận tải		UBND tỉnh

	nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát			
266.	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Sở Giao thông vận tải		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Đường bộ			
267.	Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác	Sở Giao thông vận tải		UBND tỉnh
	Lĩnh vực quản lý giá			
268.	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Sở Giao thông vận tải		UBND tỉnh
10	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
	Lĩnh vực: Hoạt động Khoa học và Công nghệ			
269.	Điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
270.	Chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	UBND tỉnh
271.	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
272.	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
273.	Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp	UBND tỉnh

274.	Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp	UBND tỉnh
275.	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (cấp tỉnh).	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
276.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (cấp tỉnh).	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
277.	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến (cấp tỉnh).	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan quản lý hoặc các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan	UBND tỉnh
278.	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (cấp tỉnh).	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
279.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
280.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ (cấp tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
281.	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (cấp tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
282.	Thủ tục Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh

283.	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, bộ, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
284.	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
285.	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Sở hữu trí tuệ			
286.	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
287.	Thủ tục đề nghị thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
288.	Thủ tục đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
289.	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 -2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng			
290.	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Sở Khoa học và Công nghệ		UBND tỉnh
11	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH			

	Lĩnh vực gia đình			
291.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
292.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
293.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
294.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
295.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
296.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
297.	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
298.	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
	Lĩnh vực thể dục thể thao			
299.	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
300.	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
301.	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh

	phổ trực thuộc trung ương tổ chức.			
	Lĩnh vực lữ hành			
302.	Thủ tục công nhận điểm du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
303.	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
	Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm			
304.	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật thăm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
305.	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng thăm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
306.	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc thăm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
307.	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam thăm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
308.	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm thăm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
	Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn			
309.	Cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
310.	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
311.	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
312.	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh

313.	Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
	Lĩnh vực văn hóa cơ sở			
314.	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp tỉnh	UBND tỉnh
315.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
316.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
	Lĩnh vực quảng cáo			
317.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
318.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
319.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
	Lĩnh vực thư viện			
320.	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
321.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh

	đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam			
322.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
	Lĩnh vực di sản văn hóa			
323.	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
324.	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		UBND tỉnh
12	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (79 THỦ TỤC)			
	Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp			
325.	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
326.	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập thuộc tỉnh và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
327.	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
328.	Miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân	Sở Lao động - Thương binh		UBND tỉnh

	dân cấp tỉnh	và Xã hội		
329.	Cách chức Chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
330.	Miễn nhiệm Chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
331.	Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
332.	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
333.	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
334.	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
335.	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
336.	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
337.	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh

338.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
339.	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh
340.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
341.	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
342.	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND tỉnh
13	SỞ NGOẠI VỤ			
	Lĩnh vực Hội nghị hội thảo quốc tế			
343.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Ngoại vụ	Các cơ quan, địa phương có liên quan	UBND tỉnh
344.	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Ngoại vụ	Các cơ quan, địa phương có liên quan	UBND tỉnh
14	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo			
345.	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thực	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
346.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh

347.	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
348.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
349.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
350.	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
351.	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
352.	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
353.	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
354.	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
355.	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
356.	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh
357.	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
358.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh

359.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
360.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo		UBND tỉnh
15	SỞ XÂY DỰNG			
	Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản			
361.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.	Sở Xây dựng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế	UBND tỉnh
	Lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng			
362.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp	UBND tỉnh
	Lĩnh vực nhà ở			
363.	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Sở Xây dựng	Các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh
364.	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Sở Xây dựng	Các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh
	Lĩnh vực quản lý giá			
365.	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Sở Xây dựng		UBND tỉnh

16	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP			
366.	Thực hiện chính sách thương cho các tổ chức, cá nhân có công vận động các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh		UBND tỉnh
17	SỞ CÔNG THƯƠNG			
	Lĩnh vực dầu khí			
367.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	Sở Công Thương		UBND tỉnh
368.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	Sở Công Thương		UBND tỉnh
369.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³	Sở Công Thương		UBND tỉnh
370.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	Sở Công Thương		UBND tỉnh
371.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	Sở Công Thương		UBND tỉnh

372.	Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	Sở Công Thương		UBND tỉnh
373.	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Công Thương		UBND tỉnh
374.	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Công Thương		UBND tỉnh
375.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Công Thương		UBND tỉnh
376.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Sở Công Thương		UBND tỉnh
377.	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	Sở Công Thương		UBND tỉnh
	Lĩnh vực Thương mại biên giới			
378.	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào	Sở Công Thương		UBND tỉnh

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC GIẢI QUYẾT
THEO HÌNH THỨC LIÊN THÔNG GIỮA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Cơ quan quyết định
	Lĩnh vực Công chứng			
1.	Bổ nhiệm công chứng viên	Sở pháp Tur		Bộ pháp Tur
2.	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Sở pháp Tur		Bộ pháp Tur
3.	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Sở pháp Tur		Bộ pháp Tur
	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp			
4.	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Sở pháp Tur	Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Công an tỉnh, Tòa án các cấp...	Sở pháp Tur
5.	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	Sở pháp Tur	Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Công an tỉnh, Tòa án các cấp...	Sở pháp Tur
6.	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Sở pháp Tur	Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Công an tỉnh, Tòa án các cấp...	Sở pháp Tur
	Lĩnh vực Quốc tịch			
7.	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Sở pháp Tur	Công an tỉnh, Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ,	Chủ tịch nước
8.	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở pháp Tur	Công an tỉnh, Bộ Tư pháp,	Chủ tịch

			Thủ tướng Chính phủ,	nước
9.	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở Tư pháp	Công an tỉnh, Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ,	Chủ tịch nước
	Lĩnh vực Thừa phát lại			
10.	Bổ nhiệm Thừa phát lại	Sở Tư pháp		Bộ Tư pháp
11.	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	Sở Tư pháp		Bộ Tư pháp
12.	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	Sở Tư pháp		Bộ Tư pháp
	Lĩnh vực Thủy lợi			
13.	Cấp Giấy phép cắt xẻ đê để xây dựng công trình; xây dựng cống qua đê, khoan đào trong phạm vi bảo vệ đê điều và xây dựng công trình đặc biệt (công trình quốc phòng - an ninh, giao thông, thông tin liên lạc, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm, cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền; di tích lịch sử, văn hoá, khu phố cổ, làng cổ; cụm tuyến dân cư sống chung với lũ và trên các cù lao) trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với đê cấp 1, 2, 3)	UBND tỉnh
	Lĩnh vực Lâm nghiệp			
14.	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp huyện	UBND tỉnh
15.	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Sở Nông nghiệp và	Thành lập Hội đồng thẩm định gồm: Sở Nông	Sở Nông nghiệp và

		PTNT	ngành và PTNT, UBND huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường	PTNT
	Lĩnh vực Thủy sản			
16.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND cấp huyện, xã	UBND tỉnh
17.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND cấp huyện, xã	UBND tỉnh
	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT			
18.	Hỗ trợ dự án liên kết	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thành lập Hội đồng thẩm định gồm các Sở có liên quan và UBND các huyện có liên quan	UBND tỉnh
	Lĩnh vực Đất đai			
19.	Giao đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp Huyện	UBND tỉnh
20.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Tài nguyên và Môi trường (cấp mới)
21.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Tài nguyên và Môi trường (cấp mới)
22.	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Sở Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thủ tướng Chính phủ	UBND tỉnh

23.	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục thuế Tỉnh Thanh Hóa - Bộ tài chính; Sở Tài chính; UBND cấp xã; UBND cấp Huyện	UBND tỉnh
24.	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục thuế Tỉnh Thanh Hóa - Bộ Tài chính; Sở Tài chính; UBND cấp xã; UBND cấp Huyện	UBND tỉnh
25.	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục thuế Tỉnh Thanh Hóa - Bộ tài chính; Sở Tài chính; UBND cấp xã; UBND cấp Huyện	UBND tỉnh
Lĩnh vực Tài nguyên nước				
26.	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện	UBND tỉnh
Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam				
27.	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND	Thủ tướng Chính phủ

	thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Đầu tư	tỉnh, các cơ quan có liên quan	
28.	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ	Quốc hội
29.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ
30.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ
31.	Chuyển nhượng dự án đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ
32.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ
33.	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND cấp huyện, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ	UBND tỉnh
34.	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh,	Thủ tướng Chính phủ
35.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh,	Thủ tướng Chính phủ

36.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh	Các Bộ, UBND tỉnh, cơ quan có liên	Thủ tướng Chính phủ
Lĩnh vực Đầu thầu				
37.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh
38.	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh
Lĩnh vực Hội nghị, hội thảo quốc tế				
39.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Ngoại vụ	Bộ Ngoại giao; Bộ Công an; các cơ quan, địa phương liên quan; UBND tỉnh	Thủ tướng Chính phủ
40.	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Ngoại vụ	Bộ Ngoại giao; Bộ Công an; các cơ quan, địa phương liên quan; UBND tỉnh	Thủ tướng Chính phủ
41.	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Ngoại vụ	Các cơ quan, địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh
Lĩnh vực Thương mại quốc tế				
42.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Sở Công Thương	Bộ quản lý chuyên ngành	Sở Công Thương

43.	Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	Sở Công Thương	Bộ quản lý chuyên ngành	Sở Công Thương
44.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Sở Công Thương	Bộ quản lý chuyên ngành	Sở Công Thương
45.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương	Bộ Công Thương	Sở Công Thương
46.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	Sở Công Thương	Bộ Công Thương	Sở Công Thương
47.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Sở Công Thương	Bộ Công Thương	Sở Công Thương
48.	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương	Bộ Công Thương	Sở Công Thương
49.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Sở Công Thương	Bộ Công Thương, UBND tỉnh	Sở Công Thương
50.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Sở Công Thương	Bộ Công Thương	Sở Công Thương
51.	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Sở Công Thương	Bộ Công Thương	Sở Công Thương
52.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	Sở Công Thương	Bộ Công Thương	Sở Công Thương
Lĩnh vực Đường thủy nội địa				
53.	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (đối với cảng thủy	Bộ Giao thông vận tải

		tải	nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài); Cảng vụ Hàng hải khu vực (Đối với cảng thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển)	
54.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa (Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)	Sở Giao thông vận tải	không	Bộ Giao thông vận tải
55.	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải	Chi cục Đường thủy nội địa (đối với bến thủy nằm trên đường thủy nội địa quốc gia); Cảng vụ Hàng hải khu vực (đối với bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển); UBND cấp xã (đối với bến khách ngang sông)	Sở Giao thông vận tải
	Lĩnh vực Đường bộ			
56.	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc	Sở Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải	UBND tỉnh
	Lĩnh vực: Hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng			
57.	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thủ tướng Chính phủ
	Lĩnh vực Lữ hành			

58.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
59.	Điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Lĩnh vực di sản văn hóa			
60.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủ tướng Chính phủ
61.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủ tướng Chính phủ
	Lĩnh vực công tác dân tộc			
62.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	Ban dân tộc	UBND cấp xã, UBND cấp huyện; Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Công an tỉnh; các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh,
63.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	Ban dân tộc	UBND cấp xã, UBND cấp huyện; Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Công an tỉnh; các cơ quan có liên quan	UBND tỉnh,